

Unit 2 Our new things

This is: Đây là một.....

(Chỉ một người, 1 vật ở gần)



That is: Kia là một....

(Chỉ một người, vật ở xa)



These are: Đây là nhữn~

(Chỉ hai người, vật ở gần)



Those are: Kia là những....

(Chỉ hai người, vật trở lên ở xa.)



Exercise : Put the words in the correct order (Sắp xếp các từ thành câu.)

(KÉO VÀ THẢ CÁC TỪ VÀO VỊ TRÍ ĐÚNG)

1. *These – tables – new – are*

--	--	--	--

2. *big – poster – a – That – is*

--	--	--	--	--

3. *Those – pictures – are – new*

--	--	--	--

4. *These – books – are – new*

--	--	--	--

5. *coat hooks – are – Those*

--	--	--

6. *These – blankets – are – new*

--	--	--	--

7. *my – These – pillows – are*

--	--	--	--

8. *car – an – old – That – is*

--	--	--	--	--